

Bản án số: 271/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2024
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Mai Anh, Bà Trần Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hưng - Thư ký Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2024/TLST- HNGĐ ngày 22/2/2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 95/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976 – có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1975 – vắng mặt.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: số x, Tổ dân phố số x, phường PĐ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Nguyễn Đình Đ trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AB, huyện T T, tỉnh B N (nay là phường A B, thị xã T T, tỉnh B N) ngày 08/4/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm ăn tại Hà Nội. Lúc đầu thuê nhiều nơi để ở, năm 2009 vợ chồng mua đất làm nhà và sinh sống tại số x, Tổ dân phố số x, phường P Đ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đến nay.

Thời kỳ đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Lúc đầu là do việc làm ăn, lối sống, lâu dần thành bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nhiều lần xảy ra va chạm, đánh chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, không thể nói chuyện với nhau, không còn sự gắn kết, chăm sóc, yêu thương nhau. Quan hệ hôn nhân lâm vào trầm trọng. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đình Đ có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 25/01/1999 và cháu Nguyễn Đình Lan P, sinh ngày 29/11/2014. Ly hôn, chị Nguyễn Thị L đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Lan P và không yêu cầu anh Nguyễn Đình Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Đình P đã trưởng thành, việc ở với ai do cháu tự quyết định. Hiện chị là lao động tự do, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L thừa nhận vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần đối với bị đơn là anh Nguyễn Đình Đ nhưng anh Đ không chấp hành, không đến làm việc. Do đó không có ý kiến trình bày.***

***Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:**

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

* Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Đình Đ. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đình Lan P, sinh ngày 29/11/2014. Cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 25/01/1999 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Đình Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Đình Đ cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: chị Nguyễn Thị L thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Đình Đ có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại số x, Tổ dân phố số x, phường P Đ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Căn cứ Điều a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Đình Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp quy định tại Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đình Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A B, huyện T T, tỉnh B N (nay là phường AB, thị xã T T, tỉnh B N) ngày 08/4/1998, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo lời khai của chị L, sau khi kết hôn, vợ chồng chị L chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, đánh cãi chửi nhau. Mặc dù chính quyền địa phương không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng anh chị nhưng bản thân chị L trình bày vợ chồng đã sống ly thân, không thể nói chuyện với nhau, không còn sự gắn kết, chăm sóc yêu thương nhau. Qua nhiều lần hòa giải và làm việc tại Tòa chị L vẫn cương quyết xin ly hôn.

Anh Nguyễn Nguyễn Đình Đ tuy đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về việc chấp hành quyền và nghĩa vụ tố tụng đối với anh Đ nhưng anh Đ vẫn cố tình vắng mặt, không cung cấp lời khai, không tham gia phiên hòa giải tại Tòa án thể hiện việc anh Đ có thái độ bỏ mặc, không tôn trọng cơ quan pháp luật, không tôn trọng hạnh phúc gia đình chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng và không thể hàn gắn. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đình Đ.

[2.2]. Về con chung: Chị L và anh Đ có 02 (hai) con chung cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 25/01/1999 và cháu Nguyễn Đình Lan P, sinh ngày 29/11/2014. Ly hôn, chị Nguyễn Thị L đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Lan P và không yêu cầu anh Nguyễn Đình Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Đình P đã trưởng thành, việc ở với ai do cháu tự quyết định.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Nguyễn Đình P đã trưởng thành nên không xét. Cháu Nguyễn Đình Lan P là con gái, đang trong thời kỳ phát triển tâm sinh lý tuổi dậy thì hiện đang do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và có cuộc sống ổn định. Tuy anh Đ không đến Tòa và không có quan điểm về vấn đề con chung nhưng cháu Nguyễn Đình Lan P có nguyện vọng được ở với mẹ, phù hợp với nguyện vọng của chị L nên cần giao cháu Nguyễn Đình Lan P cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với sự phát triển của cháu Nguyễn Đình Lan P.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Đình Đ cho đến khi có sự thay đổi khác.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L thừa nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đình Đ có 02 (hai) con chung cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 25/01/1999 và cháu Nguyễn Đình Lan P, sinh ngày 29/11/2014. Cháu Nguyễn Đình P đã trưởng thành nên không xem xét.

Giao cháu Nguyễn Đình Lan P, sinh ngày 29/11/2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Anh Nguyễn Đình Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Đình Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Đình Đ cho đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L thừa nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) là tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là theo biên lai thu số 00009362 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Q. Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- UBND p.A B, thị xã TT, tỉnh B N;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

